TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Loan Em.

Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 20/12/1997 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Ông Lê Chí L, sinh ngày 06/11/1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2023, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày: Bà và ông Lê Chí L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2017, đến năm 2018 thì sinh con chung là bé Lê Thị Bích T1 và ngày 18/02/2019 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, ông L thì có quan hệ tình cảm khác dẫn đến quan hệ vợ chồng ngày càng nên cả hai tách ra sống riêng từ cuối năm 2019 đến nay không thể hàn gắn. Bà yêu cầu ly hôn với ông L và được nuôi con

chung Lê Thị Bích T1 đến trưởng thành, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Chí L vắng mặt, quá trình giải quyết ông L có ý kiến: Ông với bà T sống chung từ khoảng năm 2018 và có với nhau 01 người con chung tên Lê Thị Bích T1. Sau khi có con, ông và bà L đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng do điều kiện hai vợ chồng sống xa nhau dẫn đến tình cảm xa cách từ đó phát sinh mâu thuẫn với nhau. Ông đồng ý ly hôn và giao con cho bà T nuôi dưỡng, do ông bị tai nạn hiện vẫn đang điều trị nên không có khả năng cấp dưỡng, phần này ông sẽ tự thỏa thuận với bà T sau. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn tuân thủ nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Xét bà T yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, bị đơn ông L đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông L và giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Bích T1, sinh ngày 11/9/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đến phiên tòa đúng quy định, bị đơn có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện kết hôn, đến ngày 18/02/2019 làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng theo lời trình bày của bà T và ông L thì hai người đã sống ly thân thời gian dài, ông L đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông L có một người con chung là Lê Thị Bích T1, sinh ngày 11/9/2018. Xét thấy cháu T1 do bà T chăm sóc và nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân, bà T yêu cầu nuôi con và ông L đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lê Thị Bích T1 cho bà T trực tiếp nuôi con chung, ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Về cấp dưỡng cho con,

bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Chí L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Bích T1, sinh ngày 11/9/2018 cho bà Trần Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông Lê Chí L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008266 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, Bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Vĩnh Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai